TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2022
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Sang.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Kiệt.
2. Bà Lê Thị Bé Bảy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa*: Ông Danh Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Minh N**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Số 39 Nguyễn Q, khu phố ba, phường mười, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số 37/2A Nguyễn Q, khu phố ba, phường mười, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Tân H, xã Tân B, huyện Phụng H1, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 19/4A Quốc lộ 1A, khu phố hai, phường mười, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 27/01/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Minh N trình bày: Chị và anh L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã Tân B, Phụng H1, Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/02/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh con, anh L chỉ phụ chăm sóc con được 6 tháng, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả, chị đi ra ở riêng, đã ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, nguyên nhân là do anh L không có nghề nghiệp ổn định, chị động viên nhưng anh L không có ý chí cầu tiến, hay có lời lẽ không hay, không tôn trọng cha mẹ vợ, thường hay ghen tuông vô cớ làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của chị nơi chị làm việc, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Thiên M, sinh ngày 08/3/2019. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu

anh L cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh L trình bày: Quá trình xác lập hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị N trình bày là đúng. Nay theo yêu cầu của chị N anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đồng ý giao cho chị N nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Thiên M, sinh ngày 08/3/2019, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu được ly hôn với anh L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh, chị là cháu Nguyễn Lê Thiên M, sinh ngày 08/3/2019, chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi; Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L đồng ý ly hôn, đồng ý giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng, nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định. Về nội dung vụ án: Anh L, chị N thuận tình ly hôn đề nghị ghi nhận. Về con chung: chị N yêu cầu được nuôi con, anh L đồng ý, nên giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Anh L không đồng ý. Tại phiên tòa anh L trình bày thu nhập của anh hàng tháng 8 đến 9 triệu đồng và từ khi ly thân cho đến nay chị N là người nuôi dưỡng cháu M, nên cần buộc anh L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi là phù hợp với thu nhập của anh L.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Minh N và anh Nguyễn Thành L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã Tân B, Phụng H1, Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/02/2018, nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu của chị Lê Minh N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa chị N yêu cầu được ly hôn, anh L đồng ý, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh, chị theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Thiên M, sinh ngày 08/3/2019. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M, anh L đồng ý giao cháu M cho chị N nuôi dưỡng, nên giao cháu M cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Anh L thì không đồng ý và cho rằng chị N không nuôi con thì giao lại cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng và anh thừa nhận từ khi ly thân tháng 02/2020 cho đến nay chị N là người nuôi dưỡng cháu M và thu nhập hàng tháng của anh khoảng 8 đến 9 triệu đồng. Xét, cháu M còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn và để đảm bảo cuộc sống, nhu cầu cuộc sống và học tập của cháu, nên cần buộc anh L cấp dưỡng nuôi cháu M 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Cả hai anh chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh, chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Minh N.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Lê Minh N và anh Nguyễn Thành L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Thiên M, sinh ngày 08/3/2019 cho chị Lê Minh N trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Thành L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Thiên M 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Lê Thiên M tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Thành L có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày chị Lê Minh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Thành L chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyên đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004737 ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị N nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Chị Lê Minh N, anh Nguyễn Thành L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP.Mỹ Tho;
- UBND xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, Hậu Giang;
- Các đương sự:
  + Chị Lê Minh N;
  + Anh Nguyễn Thành L;
- Lưu: hồ sơ vụ án-s.

Đinh Thị Sang